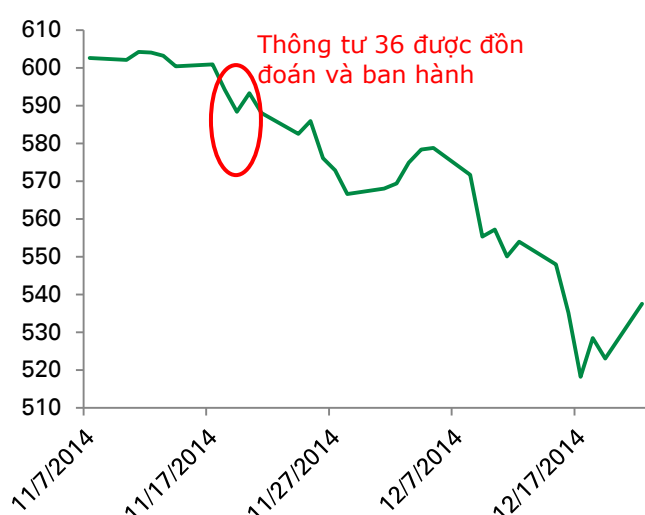


BÁO CÁO CẬP NHẬT - TÁC ĐỘNG CỦA THÔNG TƯ 36/2014/TT-NHNN

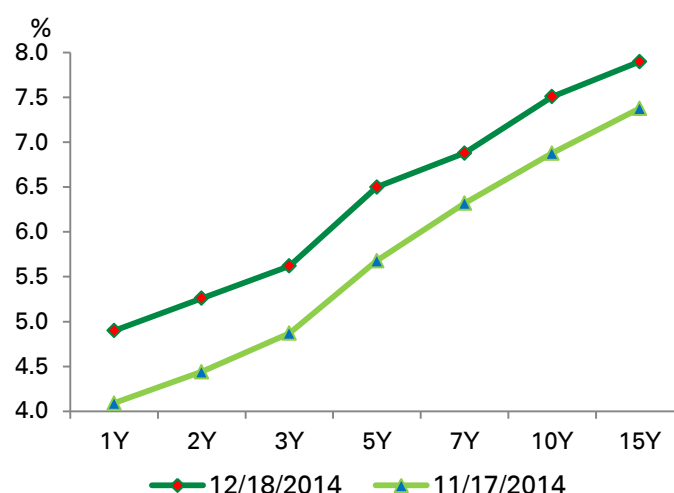
22/12/2014



VN-Index từ 1/11 đến 22/12/2014



Đường cong lợi suất trái phiếu chính phủ (%)



Nguồn: Bloomberg, VPBS

Ngày 20/11/2014, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã ban hành Thông tư 36/2014/TT-NHNN quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn hoạt động của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Thông tư 36).

- Thông tư 36 đã sửa đổi, thay thế một số nội dung cơ bản trong các quy định trước đây, bao gồm: Quyết định số 03/2008/QĐ-NHNN; Thông tư 15/2009/TT-NHNN; Thông tư 13/2010/TT-NHNN, Thông tư 19/2010/TT-NHNN và Thông tư 22/2011/TT-NHNN.
- Thông tư 36 được đánh giá tác động lớn tới hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, thị trường chứng khoán và thị trường bất động sản.
- Thông tư 36 sẽ có tác động mạnh nhất làm giảm tình trạng sở hữu chéo và lợi ích nhóm thao túng trong ngành ngân hàng và quá trình này có thể sẽ thúc đẩy việc bộc lộ đầy đủ hơn nợ xấu ngành ngân hàng. Do đó tổng lượng vốn được phép cho vay đầu tư, kinh doanh trên thị trường cổ phiếu sẽ bị giảm xuống.

Vui lòng đọc khuyến nghị ở cuối báo cáo này

Tác động của Thông tư 36/2014/TT-NHNN

Ngày 20/11/2014, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã ban hành Thông tư 36/2014/TT-NHNN quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn hoạt động của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Thông tư 36). Thông tư 36 đã sửa đổi, thay thế một số nội dung cơ bản trong các quy định trước đây, bao gồm: Quyết định số 03/2008/QĐ-NHNN; Thông tư 15/2009/TT-NHNN; Thông tư 13/2010/TT-NHNN, Thông tư 19/2010/TT-NHNN và Thông tư 22/2011/TT-NHNN, tác động lớn tới hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, thị trường chứng khoán và thị trường bất động sản. Thông tư sẽ có tác động mạnh nhất làm giảm tình trạng sở hữu chéo và lợi ích nhóm thao túng trong ngành ngân hàng và quá trình này có thể sẽ thúc đẩy việc bộc lộ đầy đủ hơn nợ xấu ngành ngân hàng. Do đó tổng lượng vốn được phép cho vay đầu tư, kinh doanh trên thị trường cổ phiếu sẽ bị giảm xuống.

Một số điểm chính của Thông tư như sau:

1. Giá trị thực của vốn điều lệ, vốn được cấp:

Điều 6 Thông tư 36 quy định về nguyên tắc xác định và cách tính giá trị thực của vốn điều lệ, vốn được cấp (trích lập đầy đủ dự phòng rủi ro, tính đầy đủ các khoản thu nhập và chi phí để xác định kết quả kinh doanh). Thông tư 36 bổ sung quy định trong trường hợp giá trị thực của vốn điều lệ giảm thấp hơn vốn pháp định (hiện nay là 3000 tỷ), nếu giảm xuống dưới 80% vốn pháp định thì hạn chế hoạt động, áp dụng một số tỷ lệ an toàn cao hơn quy định, hoặc TCTD phải tăng vốn điều lệ, hoặc chuyển nhượng cổ phần. Nếu giá trị thực vốn điều lệ giảm xuống dưới 50%, hoặc vốn điều lệ thấp hơn vốn pháp định liên tục trong vòng 6 tháng, thì TCTD có thể bị áp dụng các biện pháp tái cơ cấu, thu hồi giấy phép.

Nhận định:

Do vậy, thời gian tới, sau khi Thông tư 02/2014/TT-NHNN và Thông tư 09/2013/TT-NHNN có hiệu lực đầu năm 2015, dự báo tỷ lệ nợ xấu toàn hệ thống tăng lên, khiến giá trị thực của vốn điều lệ một số ngân hàng giảm xuống. Do đó một số ngân hàng có thể sẽ phải thực hiện tăng vốn chủ sở hữu và phát hành thêm cổ phiếu ra thị trường để đáp ứng được yêu cầu về mức vốn pháp định.

2. Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu

Thông tư 36 quy định tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của các tổ chức tín dụng bao gồm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu riêng lẻ và tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu hợp nhất, đều phải duy trì ở mức 9%, không thay đổi so với trước.

Tuy nhiên, Thông tư 36 giảm hệ số rủi ro từ 250% xuống 150% cho khoản cho vay đầu tư bất động sản, các khoản phải đòi để đầu tư, kinh doanh chứng khoán, các khoản phải đòi đối với công ty chứng khoán. Quy định mới áp dụng hệ số rủi ro 150% đối với các khoản phải đòi đối với công ty quản lý quỹ; các khoản cho vay được bảo đảm bằng vàng, vốn không được đề cập đến trong quy định trước đây. Điểm mới trong Thông tư 36 quy định Vốn cấp 1 phải bị loại trừ Cổ phiếu quỹ và Các khoản cấp tín dụng để góp vốn, mua cổ phần tại tổ chức tín dụng khác.

Nhận định:

Việc điều chỉnh giảm hệ số rủi ro nói trên sẽ giúp các ngân hàng cho vay

kinh doanh bất động sản và chứng khoán hưởng lợi khi tính CAR. Tuy nhiên, phạm vi áp hệ số rủi ro 150% được mở rộng ra so với Thông tư 13 có thể khiến tổng tài sản có rủi ro tăng lên. Các khoản cho vay công ty quản lý quỹ và cho vay đảm bảo bằng vàng không được khuyến khích so với trước.

Quy định mới loại trừ Cổ phiếu quỹ và Các khoản cấp tín dụng để góp vốn, mua cổ phần tại tổ chức tín dụng khác khi tính vốn cấp 1 sẽ làm giảm CAR với các ngân hàng cấp nhiều tín dụng để góp vốn, mua cổ phần tại tổ chức tín dụng khác. Qua đó quy định này giúp giảm sở hữu chéo, giảm tình trạng vốn ảo trong các ngân hàng.

3. Hạn chế cấp tín dụng

Thông tư 36 nhắc lại Điều 127 của Luật các tổ chức tín dụng về Hạn chế cấp tín dụng với một số đối tượng, trong đó cổ đông lớn, cổ đông sáng lập, kế toán trưởng của ngân hàng và các doanh nghiệp do những người này sở hữu trên 10% vốn điều lệ. Giới hạn tín dụng cấp cho các đối tượng này chỉ là 5% vốn tự có của TCTD.

Ngoài ra, tổng mức cấp tín dụng đối với các công ty con, công ty liên kết của TCTD và các doanh nghiệp mà TCTD nắm quyền kiểm soát không được vượt quá 20% của Vốn tự có của TCTD đó.

Theo Điều 10, Thông tư 36 trong hoạt động cấp tín dụng, ngân hàng và tổ chức tín dụng phải thường xuyên cập nhật danh sách cổ đông khi có sự thay đổi. Phải công khai trước đại hội cổ đông về khoản cấp tín dụng cho các đối tượng bị Hạn chế cấp tín dụng tại Điều 127 của Luật các tổ chức tín dụng.

4. Trường hợp không được cấp tín dụng

Theo Điều 11, Thông tư 36, TCTD không được cấp tín dụng với những trường hợp không được cấp tín dụng theo quy định tại Điều 126 Luật tổ chức tín dụng, ví dụ như thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và cấp tương đương, v.v., và không được cấp tín dụng trên cơ sở bảo đảm của các đối tượng này.

Theo Thông tư 36, TCTD, chi nhánh NH nước ngoài không được cấp tín dụng cho khách hàng để đầu tư, kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết. Tuy nhiên, không có quy định/hướng dẫn nào về hạn chế cấp tín dụng đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp niêm yết.

5. Giới hạn cấp tín dụng

Thông tư 36 thống nhất giới hạn cấp tín dụng đối với một khách hàng và nhóm khách hàng liên quan theo Điều 128 Luật TCTD, phân ra theo ngân hàng và tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

Theo đó, Điều 13 Thông tư 36 quy định: "Tổng **mức dư nợ cấp tín dụng** đối với một khách hàng không vượt quá 15% vốn tự có của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; tổng **mức dư nợ cấp tín dụng** đối với một khách hàng và người có liên quan không vượt quá 25% vốn tự có của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài". Các con số tương ứng theo Thông tư 13 là 25% và 60%.

So với Thông tư 13/2010/TT-NHNN, đối tượng là tổ chức tín dụng phi ngân hàng đã được quy định phù hợp hơn với Luật TCTD về giới hạn cấp tín dụng, cụ thể theo khoản 2 Điều 13 Thông tư 36: "Tổng **mức dư nợ cấp tín dụng**

đối với một khách hàng không vượt quá 25% vốn tự có của tổ chức tín dụng phi ngân hàng; tổng **mức dư nợ cấp tín dụng** đối với một khách hàng và người có liên quan không vượt quá 50% vốn tự có của tổ chức tín dụng phi ngân hàng”. Các quy định tương ứng trong Thông tư 13 là 25% và 60%.

6. Định nghĩa Tổng mức dư nợ tín dụng để tính toán Giới hạn cấp tín dụng

Thông tư 36 đã quy định phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng.

Thông tư 13 chỉ quy định về “Giới hạn cho vay, bảo lãnh, chiết khấu giấy tờ có giá” với định nghĩa “**Dư nợ cho vay** của tổ chức tín dụng bao gồm dư nợ cho vay theo hợp đồng tín dụng; số dư nợ tổ chức tín dụng ủy thác cho tổ chức tín dụng khác cho vay; số dư các khoản tổ chức tín dụng đã trả thay do thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với khách hàng.”

Trong khi đó, Thông tư 36 quy định về giới hạn cấp tín dụng, với khái niệm rộng hơn trong Thông tư 13 rất nhiều: “**Tổng mức dư nợ cấp tín dụng** bao gồm tổng số dư nợ cho vay, chiết khấu, tái chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, thẻ tín dụng và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, số dư bảo lãnh và các khoản ủy thác cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác cấp tín dụng”.

7. Khái niệm người có liên quan

Thông tư 36 đã mở rộng đối tượng người có liên quan theo quy định của Luật TCTD, tại khoản 15 Điều 3 Thông tư 36, bằng việc bổ sung thêm một số đối tượng người có liên quan như: anh chị em ruột (bao gồm cả anh chị em cùng cha khác mẹ, anh chị em cùng mẹ khác cha); bố chồng (bố vợ), mẹ chồng (mẹ vợ), con dâu (con rể), bố dượng, mẹ kế, con riêng của vợ, chồng, anh rể, chị dâu, em dâu, em rể.

Nhân định cho các mục 3, 4, 5, 6, và 7:

Theo VPBS, những giới hạn tín dụng mới này, đặc biệt là giới hạn với những cổ đông lớn, thành viên hội đồng quản trị và các doanh nghiệp do những người này sở hữu sẽ giúp hạn chế sự lũng đoạn của các nhóm lợi ích trong nội bộ ngân hàng, đồng thời hạn chế rủi ro của hoạt động tín dụng và giảm đáng kể tác động của việc một khách hàng vỡ nợ đến TCTD, vốn từng xảy ra trong quá khứ. Đây là một bước đi tích cực trong quá trình tái cơ cấu dài hạn ngành ngân hàng.

Việc cấm các TCTD cho vay khách hàng đầu tư trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết có thể khiến cho nhiều doanh nghiệp lớn chưa niêm yết có động lực lên sàn niêm yết để thoát khỏi diện trong quy định này, và qua đó làm tăng tính minh bạch cho thị trường trái phiếu doanh nghiệp.

Việc quy định giới hạn cấp tín dụng dựa trên tổng mức dư nợ cấp tín dụng tại Thông tư 36 có thể khiến giới hạn cấp tín dụng của ngân hàng cho một khách hàng theo cách tính mới giảm mạnh từ mức ít nhất 25% theo cách tính mới, xuống 15% vốn tự có; giới hạn cấp tín dụng với một nhóm khách hàng liên quan sẽ giảm từ mức ít nhất 60% theo cách tính mới xuống còn 50%.

Ngoài ra, khái niệm người có liên quan được mở rộng có thể khiến hạn mức tín dụng cho nhóm khách hàng liên quan giảm thêm so với trước.

Việc quy định hạn chế cấp tín dụng giới hạn cấp tín dụng và công khai thông tin tín dụng này của ngân hàng với giữa các công ty con của ngân hàng, giữa ngân hàng với các thành viên công ty con, công ty sân sau của các cổ đông lớn hoặc người điều hành chính là một biện pháp hạn chế sự chi phối, thao túng, lợi ích nhóm, tăng cường tính minh bạch của hoạt động tín dụng ngân hàng.

8. Giới hạn cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu:

Điều 14, Thông tư 36 quy định Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chỉ được cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu khi đáp ứng đủ điều kiện: (i) Đảm bảo các giới hạn tỷ lệ an toàn hoạt động; (ii) Tỷ lệ nợ xấu dưới 3%; (iii) Thực hiện đầy đủ quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng rủi ro; (iv) Không thuộc các đối tượng hạn chế và cấm cấp tín dụng của tổ chức tín dụng.

Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cấp tín dụng đầu tư, kinh doanh cổ phiếu trên cơ sở bảo đảm của tổ chức tín dụng khác hoặc cổ phiếu của tổ chức tín dụng khác và cổ phiếu hình thành từ vốn vay. Không được cấp tín dụng trung dài hạn cho khách hàng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu. Không được cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu của chính ngân hàng thương mại đó, trừ trường hợp cho vay đối với người lao động để mua cổ phần phát hành lần đầu.

Giới hạn cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh **cổ phiếu** không được vượt quá **5%** vốn điều lệ, vốn được cấp của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (so với tỷ lệ trước đây là **20%** đối với cho vay để đầu tư, kinh doanh **chứng khoán**);

TCTD không được cấp tín dụng, ủy thác cho công ty con, công ty liên kết để công ty con, công ty liên kết thực hiện (i) đầu tư, kinh doanh cổ phiếu; (ii) Cho vay để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu.

Nhân định:

Chúng tôi tin rằng Thông tư 36 sẽ làm giảm lượng vốn cho vay kinh doanh cổ phiếu vì những yếu tố sau:

Hiện nay tổng vốn điều lệ của toàn hệ thống ngân hàng là 435.243 tỷ đồng. Nếu loại trừ 86.636 tỷ đồng vốn điều lệ của các ngân hàng nước ngoài, vốn lâu nay không tham gia vào thị trường cho vay chứng khoán, thì tổng vốn điều lệ của các ngân hàng cho vay đầu tư chứng khoán là 348.607 tỷ đồng. Trước khi thông tư 36 được ban hành, hạn mức tối đa đặt ra là 20% vốn điều lệ, tương đương với 69.721 tỷ đồng. Giờ đây, chúng tôi sẽ loại trừ vốn điều lệ của các ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu trên 3% - ước tính khoảng 86.449 tỷ đồng. 5% của số vốn điều lệ còn lại của các ngân hàng đủ tiêu chuẩn để cho vay đầu tư chứng khoán đạt khoảng 13.108 tỷ đồng, giảm 81% so với giá trị trước đây là 69.721 tỷ đồng.

Tính đến cuối quý 3/2014, có nhiều ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu trên 3% như Ngân hàng SHB, Ngân hàng Eximbank, Ngân hàng Quân đội, Ngân hàng Á Châu, Ngân hàng Quốc dân (NCB), Ngân hàng Xăng dầu Petrolimex (PGBank), chưa kể Ngân hàng Đông Á và Ngân hàng An Bình đang trong danh sách tiềm năng v.v.. Hiện nay các ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu cao cũng đang nỗ lực để giảm nợ xấu, trong đó có biện pháp bán nợ xấu cho VAMC theo quy định của NHNN để đưa tỷ lệ nợ xấu về dưới mức 3%. Tuy nhiên, do tình hình doanh nghiệp trong nước còn nhiều khó khăn và công tác bán

nợ xấu đã mua của VAMC còn nhiều vướng mắc, việc giảm tỷ lệ nợ xấu của các ngân hàng có thể gặp nhiều khó khăn. Số ngân hàng có nợ xấu trên 3% dự kiến còn tăng lên từ đầu năm 2015 sau khi Thông tư 02/2013 và Thông tư 09/2014 của NHNN có hiệu lực. Do đó, khi Thông tư 36 có hiệu lực, có thể có thêm một số ngân hàng, bao gồm cả các ngân hàng mà hiện nay đang thực hiện cho vay đầu tư cổ phiếu nhiều, không đáp ứng được điều kiện về tỷ lệ nợ xấu và không thể tham gia cho vay đầu tư cổ phiếu. Như vậy, tổng lượng vốn ngân hàng có thể cho vay đầu tư cổ phiếu có thể giảm đi so với trước.

Theo số liệu thống kê của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC), tổng dư nợ cho vay ký quỹ tính đến cuối tháng 10 đạt 17.000 tỷ đồng. Con số này được lấy từ báo cáo tài chính của các công ty chứng khoán, nên có nhiều khả năng đã không tính đến những khoản vay trực tiếp từ ngân hàng cho nhà đầu tư chứng khoán, với tài sản thế chấp là cổ phiếu. Một vấn đề nữa đó là 17.000 tỷ đồng cho vay margin chủ yếu từ vốn sở hữu của các công ty chứng khoán hay từ các khoản vay ngân hàng. Theo những đánh giá của chúng tôi về 20 công ty chứng khoán lớn nhất thị trường tính theo vốn điều lệ, tổng nợ (các khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ ngân hàng, trái phiếu doanh nghiệp) chỉ đạt hơn 5.600 tỷ đồng, bằng một phần ba tổng các khoản cho vay ký quỹ của họ. Như vậy hai phần ba tổng các khoản cho vay ký quỹ chủ yếu đến từ vốn sở hữu của các công ty chứng khoán.

Theo quan chức của NHNN, toàn hệ thống các TCTD chưa bao giờ dùng đến 5% vốn điều lệ để cho vay kinh doanh chứng khoán. Mặc dù có một số ngân hàng lớn không tham gia nhiều hoạt động kinh doanh này, chúng tôi tin rằng có một số ngân hàng nhỏ hiện đang có mức dư nợ cho vay kinh doanh cổ phiếu cao hơn nhiều mức 5% vốn điều lệ. Các ngân hàng này sẽ phải giảm lượng cho vay này của mình, qua đó ảnh hưởng tiêu cực tới thị trường cổ phiếu.

Vậy liệu thị phần cho vay kinh doanh cổ phiếu có chuyển sang các ngân hàng lớn hay không? Điều này còn tùy thuộc vào chiến lược kinh doanh của từng ngân hàng và nhiều ngân hàng lớn hiện vẫn duy trì chính sách không ưu tiên cho vay và đầu tư kinh doanh cổ phiếu.

Trong tương lai, các công ty chứng khoán có thể sẽ nâng vốn chủ sở hữu và giảm cổ tức tiền mặt để tăng khả năng cho vay ký quỹ, hiện đang bị giới hạn ở mức 200% vốn điều lệ của công ty chứng khoán theo Quyết định số 637/2011 của SSC, bù đắp sự sụt giảm nguồn vốn cho vay từ ngân hàng cho hoạt động đầu tư chứng khoán. Chúng tôi cho rằng trong những năm tới các công ty chứng khoán sẽ phát hành thêm cổ phiếu mới (đối với các công ty cổ phần), hoặc được ngân hàng mẹ bơm thêm vốn (đối với các công ty trực thuộc ngân hàng). Tạo điều kiện thuận lợi cho việc này, Thông tư 36 đã loại bỏ hạn mức 25% vốn điều lệ đầu tư vào các công ty trực thuộc. Hiện nay hạn mức của tất cả các khoản đầu tư vốn của một ngân hàng là 40% vốn điều lệ. Chính vì vậy, ngân hàng có thể tăng vốn cho các công ty chứng khoán trực thuộc.

9. Giới hạn tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn để cho vay trung và dài hạn

Điều 17 Thông tư 36 quy định nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung dài hạn tối đa tại

- Ngân hàng thương mại là 60%;

- Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài 60%;
- Tổ chức tín dụng phi ngân hàng 200%;
- Ngân hàng hợp tác xã 60%

thay cho giới hạn thấp hơn tại Thông tư 15/2009/TT-NHNN (Ngân hàng thương mại 30%; Công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính 30%, Quỹ tín dụng nhân dân 20%).

Tuy nhiên, cách tính toán tỷ lệ này tại Thông tư 36 có nhiều thay đổi so với Thông tư 15/2009/TT-NHNN.

+ Định nghĩa tổng dư nợ cho vay trung hạn, dài hạn được bổ sung thêm nhiều yếu tố như: các khoản ủy thác cho tổ chức tín dụng khác cho vay, cho thuê tài chính, Các khoản mua, đầu tư vào giấy tờ có giá, trừ giấy tờ có giá được sử dụng trong các giao dịch của Ngân hàng Nhà nước; Dư nợ cho vay, dư nợ cho thuê tài chính, số dư mua, đầu tư giấy tờ có giá trung hạn và dài hạn bị quá hạn; Dư nợ cho vay, số dư mua, đầu tư giấy tờ có giá ngắn hạn bị quá hạn, mà thời hạn cho vay, thời hạn đầu tư vào giấy tờ có giá cộng với thời gian quá hạn từ 12 tháng trở lên.

+ Các khoản tiền gửi giữa các tổ chức tín dụng, tiền gửi của Kho bạc Nhà nước bị loại trừ khỏi nguồn vốn ngắn hạn cũng như nguồn vốn trung hạn, dài hạn của tổ chức tín dụng.

Thông tư 36 bổ sung quy định tỷ lệ tối đa so với nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để mua trái phiếu chính phủ như sau: Tại NHTM nhà nước là 15%, NHTMCP, liên doanh, 100% vốn nước ngoài là 35%, chi nhánh NH nước ngoài 15%, tổ chức tín dụng phi ngân hàng 5%, ngân hàng hợp tác xã 40%.

Nhân định:

Hiện nay vốn huy động trung hạn của hệ thống ngân hàng chỉ chiếm khoảng 10-15% (tức kỳ hạn trên 1 năm) còn lại 85-90% nguồn vốn là huy động ngắn hạn. Việc NHNN cho phép các NHTM sẽ được sử dụng tối đa 60% vốn huy động ngắn hạn để cho vay trung và dài hạn sẽ giúp các ngân hàng tăng được tín dụng trung và dài hạn, vốn luôn có nhu cầu rất cao. Ngoài ra, lãi suất cho vay trung dài hạn sẽ dần giảm do nguồn vốn huy động ngắn hạn thường có lãi suất thấp hơn.

Các quy định khác ban hành kèm theo trong Thông tư 36 như nâng yêu cầu về tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày (từ 15% lên 50%), khống chế giới hạn cho vay trên huy động ở mức 80%, v.v sẽ có tác dụng kiểm soát rủi ro cho các ngân hàng.

Các giới hạn về tỷ lệ tối đa so với nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để mua trái phiếu chính phủ sẽ ảnh hưởng tới một số ngân hàng nước ngoài, vốn nắm giữ rất nhiều trái phiếu chính phủ khiến họ phải tăng cường bán ra. Thống kê cho thấy các nhà đầu tư nước ngoài, vốn mua ròng trong hai tuần đầu tháng 11 đã chuyển sang bán ròng mạnh trong ba tuần tiếp theo, từ khi bản dự thảo của Thông tư 36 bắt đầu được tiết lộ trên thị trường. Trong ba tuần liên tiếp từ 17/11 đến 5/12, họ bán ròng một lượng kỷ lục 6.130 tỷ đồng TPCP. Điều này đẩy lợi suất trái phiếu tăng mạnh, tăng từ 29 đến 53 điểm cơ bản tại các kỳ hạn dưới 5 năm.

10. Quy định về giới hạn góp vốn, mua cổ phần

Thông tư 36 tuân thủ Điều 129 Luật các TCTD, bỏ quy định Tổng mức góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng trong tất cả các công ty trực thuộc tối đa không quá 25% vốn điều lệ và quỹ dự trữ của tổ chức tín dụng của Thông tư 13 và vẫn giữ trần 40% đối với Tổng mức góp vốn, mua cổ phần của một ngân hàng thương mại vào các doanh nghiệp, bao gồm cả mức vốn cấp, vốn góp vào các công ty con, công ty liên kết của ngân hàng thương mại.

Như vậy, các NHTM được phép tăng vốn góp tại các công ty trực thuộc từ mức trần 25% vốn điều lệ và quỹ dự trữ lên mức tối đa 40%.

11. Quy định về giới hạn góp vốn, mua cổ phần

Ngân hàng thương mại chỉ được mua, nắm giữ (bao gồm cả hoạt động ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác và cổ đông của ngân hàng thương mại mua, nắm giữ) cổ phiếu của tổ chức tín dụng khác khi đã đáp ứng đủ điều kiện liên quan tới giới hạn vốn, tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động, tỷ lệ nợ xấu, thủ tục phê duyệt nội bộ và các đối tượng liên quan (Khoản 2 Điều 20 Thông tư 36).

Quy định cụ thể giới hạn đối với ngân hàng thương mại trong việc góp vốn, mua cổ phần tại tổ chức tín dụng khác:

- + Ngân hàng thương mại chỉ được mua nắm giữ cổ phần tối đa **02 tổ chức tín dụng khác**, trừ tổ chức tín dụng là công ty con;
- + Mua, nắm giữ tối đa **5% vốn cổ phần** có quyền biểu quyết tại tổ chức tín dụng khác;
- + Không được cử người tham gia hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng mà ngân hàng thương mại mua, nắm giữ cổ phiếu, trừ trường hợp tổ chức tín dụng là công ty con hoặc thực hiện tái cơ cấu theo chỉ định của NHNN.

Quy định thắt chặt việc đầu tư sở hữu chéo giữa ngân hàng và những bên có liên quan:

- + Ngân hàng thương mại, công ty tài chính không được góp vốn, mua cổ phần của (1) các doanh nghiệp, TCTD khác là cổ đông, thành viên góp vốn của chính ngân hàng thương mại, công ty tài chính đó; (2) không được góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là người có liên quan của cổ đông lớn, của người quản lý của ngân hàng thương mại, công ty tài chính đó.
- + Công ty con, công ty liên kết của cùng một ngân hàng thương mại, của cùng một công ty tài chính không được góp vốn, mua cổ phần của nhau. Ngân hàng thương mại không được góp vốn, mua cổ phần của công ty con, công ty liên kết của công ty kiểm soát ngân hàng. Công ty tài chính không được góp vốn, mua cổ phần của công ty con, công ty liên kết của công ty kiểm soát công ty tài chính.
- + Công ty con, công ty liên kết của cùng một ngân hàng thương mại, của cùng một công ty tài chính không được góp vốn, mua cổ phần của chính ngân hàng thương mại, công ty tài chính đó.
- + Ngân hàng thương mại, công ty tài chính là công ty con, công ty liên kết của công ty kiểm soát không được góp vốn, mua cổ phần của công ty

kiểm soát đó.

Nhân định:

Chúng tôi cho rằng quy định này có thể khiến nhiều cổ đông của ngân hàng phải thoái bớt vốn đầu tư vào ngân hàng so với hiện tại, tăng nguồn cung cổ phiếu ngân hàng, khiến giá một số cổ phiếu ngân hàng giảm, trong đó có một số ngân hàng niêm yết và điều này sẽ ảnh hưởng đến chỉ số chung của thị trường chứng khoán. Ngoài ra, nhiều khoản đầu tư lẫn nhau giữa các công ty con, công ty liên kết, người có liên quan của các TCTD cũng sẽ phải thay đổi chủ sở hữu.

12. Tỷ lệ về khả năng chi trả

Thông tư 36 quy định cụ thể hơn về tỷ lệ dự trữ thanh khoản (10% đối với ngân hàng) và tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày với ngân hàng (50% với VND, 10% với ngoại tệ). Tỷ lệ về khả năng chi trả trước đây chỉ quy định 15% chung cho cả hai loại tiền tệ và chỉ tính trong 7 ngày).

13. Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi

Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi (LDR) được bổ sung cách tính cụ thể, đơn giản. Trước đây thống nhất là 80%, còn theo quy định mới nhóm ngân hàng thương mại nhà nước được tăng lên 90%, còn nhóm thương mại cổ phần vẫn giữ ở 80%.

14. Quy định chuyển tiếp

Thông tư 36 có hiệu lực kể từ ngày 01/02/2015.

Đối với các hợp đồng được ký kết trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành và phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và khách hàng được tiếp tục thực hiện theo các thỏa thuận đã ký kết cho đến hết thời hạn của hợp đồng và không được gia hạn hợp đồng này.

Đối với tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu và tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi, các TCTD phải có biện pháp và kế hoạch xử lý để đảm bảo tuân thủ đúng quy định sau thời hạn tối đa 6 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành (chậm nhất đến ngày 01/08/2014).

Đối với tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn và tỷ lệ đầu tư trái phiếu Chính phủ so với nguồn vốn ngắn hạn không đảm bảo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 17 Thông tư này, TCTD không được ký thêm hợp đồng tín dụng trung dài hạn, hoặc mua, đầu tư thêm trái phiếu chính phủ, và phải có biện pháp và kế hoạch xử lý để đảm bảo sau thời hạn tối đa 1 năm kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành tuân thủ đúng quy định.

Đối với Giới hạn góp vốn, mua cổ phần, các TCTD, công ty con, công ty liên kết của cùng một TCTD vi phạm phải có biện pháp và kế hoạch thoái vốn để đảm bảo sau thời hạn tối đa 12 tháng năm kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành tuân thủ đúng quy định.

Riêng đối với các quy định tại điều 14 về Điều kiện, giới hạn cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu, Thông tư 36 chỉ quy định tại Điều 25 rằng các TCTD không được cấp thêm bất kỳ khoản tín dụng nào cho đến khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 14, và có biện pháp thu hồi các khoản tín dụng này. Ngoài ra, không có quy định về thời hạn cụ thể bắt

buộc phải tuân thủ.

Nhân định:

VPBS cho rằng, trong vòng hơn một năm tới, tính đến 01/02/2016, các TCTD sẽ phải cơ cấu lại nguồn vốn và tài sản của mình phù hợp với Thông tư 36. Chịu nhiều ảnh hưởng nhất sẽ là các ngân hàng tồn tại tình trạng vốn ảo, sở hữu chéo và có tình trạng cổ đông lớn lũng đoạn ngân hàng.

Với thị trường chứng khoán, do chưa có thời hạn cụ thể khi nào các TCTD bắt buộc phải tuân thủ đối với quy định tại Điều 14, có thể Ngân hàng Nhà nước sẽ quy định thời hạn tối đa xử lý cho từng trường hợp. Do vậy hoạt động cho vay đầu tư chứng khoán của các TCTD sẽ chưa bị chấm dứt ngay và sẽ có thêm nhiều thời gian xử lý. Thị trường chứng khoán có thể đã phản ứng quá mức với tác động này của Thông tư 36.

LIÊN HỆ

Mọi thông tin liên quan đến báo cáo này, xin vui lòng liên hệ Phòng Phân tích của VPBS:

Barry David Weisblatt

Giám đốc Khối Phân tích

barryw@vpbs.com.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh

Giám đốc – Vĩ mô & Tài chính

linhntt@vpbs.com.vn

Nguyễn Thị Ngọc Anh

Trợ lý phân tích

anhntn2@vpbs.com.vn

Mọi thông tin liên quan đến tài khoản của quý khách, xin vui lòng liên hệ:

Lý Đắc Dũng

Giám đốc Khối Môi giới Khách hàng Cá nhân

dungld@vpbs.com.vn

+844 3974 3655 Ext: 335

Võ Văn Phương

Giám đốc Môi giới Nguyễn Chí Thanh 1

Thành phố Hồ Chí Minh

phuongvv@vpbs.com.vn

+848 6296 4210 Ext: 130

Trần Đức Vinh

Giám đốc Môi giới PGD Láng Hạ

Hà Nội

vinhtd@vpbs.com.vn

+844 3835 6688 Ext: 369

Domalux

Giám đốc Môi giới Nguyễn Chí Thanh 2

Thành phố Hồ Chí Minh

domalux@vpbs.com.vn

+848 6296 4210 Ext: 128

Nguyễn Danh Vinh

Phó Giám đốc Môi giới Lê Lai

Thành phố Hồ Chí Minh

vinhnd@vpbs.com.vn

+848 3823 8608 Ext: 146

KHUYẾN CÁO

Báo cáo phân tích được lập và phát hành bởi Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBS). Báo cáo này không trực tiếp hoặc ngụ ý dùng để phân phối, phát hành hay sử dụng cho bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào là công dân hay thường trú hoặc tạm trú tại bất kỳ địa phương, lãnh thổ, quốc gia hoặc đơn vị có chủ quyền nào khác mà việc phân phối, phát hành hay sử dụng đó trái với quy định của pháp luật. Báo cáo này không nhằm phát hành rộng rãi ra công chúng và chỉ mang tính chất cung cấp thông tin cho nhà đầu tư cũng như không được phép sao chép hoặc phân phối lại cho bất kỳ bên thứ ba nào khác. Tất cả những cá nhân, tổ chức nắm giữ báo cáo này đều phải tuân thủ những điều trên.

Mọi quan điểm và khuyến nghị về bất kỳ hay toàn bộ mã chứng khoán hay tổ chức phát hành là đối tượng đề cập trong bản báo cáo này đều phản ánh chính xác ý kiến cá nhân của những chuyên gia phân tích tham gia vào quá trình chuẩn bị và lập báo cáo, theo đó, lương và thưởng của những chuyên gia phân tích đã, đang và sẽ không liên quan trực tiếp hay gián tiếp đối với những quan điểm hoặc khuyến nghị được đưa ra bởi các chuyên gia phân tích đó trong báo cáo này. Các chuyên gia phân tích tham gia vào việc chuẩn bị và lập báo cáo không có quyền đại diện (thực tế, ngụ ý hay công khai) cho bất kỳ tổ chức phát hành nào được đề cập trong bản báo cáo.

Các báo cáo nghiên cứu chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho những nhà đầu tư cá nhân và tổ chức của VPBS. Báo cáo nghiên cứu này không phải là một lời kêu gọi, đề nghị, mời chào mua hoặc bán bất kỳ mã chứng khoán nào.

Các thông tin trong báo cáo nghiên cứu được chuẩn bị từ các thông tin công bố công khai, dữ liệu phát triển nội bộ và các nguồn khác được cho là đáng tin cậy, nhưng chưa được kiểm chứng độc lập bởi VPBS và VPBS sẽ không đại diện hoặc đảm bảo đối với tính chính xác, đúng đắn và đầy đủ của những thông tin này. Toàn bộ những đánh giá, quan điểm và khuyến nghị nêu tại đây được thực hiện tại ngày đưa ra báo cáo và có thể được thay đổi mà không báo trước. VPBS không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi hoặc bổ sung bản báo cáo cũng như không có nghĩa vụ thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận được bản báo cáo này trong trường hợp các đánh giá, quan điểm hay khuyến nghị được đưa ra có sự thay đổi hoặc trở nên không còn chính xác hay trong trường hợp báo cáo bị thu hồi.

Các diễn biến trong quá khứ không đảm bảo kết quả trong tương lai, không đại diện hoặc bảo đảm, công khai hay ngụ ý, cho diễn biến tương lai của bất kỳ mã chứng khoán nào đề cập trong bản báo cáo này. Giá của các mã chứng khoán được đề cập trong bản báo cáo và lợi nhuận từ các mã chứng khoán đó có thể được dao động và/hoặc bị ảnh hưởng trái chiều bởi những yếu tố thị trường hay tỷ giá và nhà đầu tư phải ý thức được rõ ràng về khả năng thua lỗ khi đầu tư vào những mã chứng khoán đó, bao gồm cả những khoản lạm vào vốn đầu tư ban đầu. Hơn nữa, các chứng khoán được đề cập trong bản báo cáo có thể không có tính thanh khoản cao, hoặc giá cả bị biến động lớn, hay có những rủi ro cộng hưởng và đặc biệt gắn với các mã chứng khoán và việc đầu tư vào thị trường mới nổi và/hoặc thị trường nước ngoài khiến tăng tính rủi ro cũng như không phù hợp cho tất cả các nhà đầu tư. VPBS không chịu trách nhiệm về bất kỳ thiệt hại nào phát sinh từ việc sử dụng hoặc dựa vào các thông tin trong bản báo cáo này.

Các mã chứng khoán trong bản báo cáo có thể không phù hợp với tất cả các nhà đầu tư, và nội dung của bản báo cáo không đề cập đến các nhu cầu đầu tư, mục tiêu và điều kiện tài chính của bất kỳ nhà đầu tư cụ thể nào. Nhà đầu tư không nên chỉ dựa trên những khuyến nghị đầu tư, nếu có, tại bản báo cáo này để thay thế cho những đánh giá độc lập trong việc đưa ra các quyết định đầu tư của chính mình và, trước khi thực hiện đầu tư bất kỳ mã chứng khoán nào nêu trong báo cáo này, nhà đầu tư nên liên hệ với những cố vấn đầu tư của họ để thảo luận về trường hợp cụ thể của mình.

VPBS và những đơn vị thành viên, nhân viên, giám đốc và nhân sự của VPBS trên toàn thế giới, tùy từng thời điểm, có quyền cam kết mua hoặc cam kết bán, mua hoặc bán các mã chứng khoán thuộc sở hữu của (những) tổ chức phát hành được đề cập trong bản báo cáo này cho chính mình; được quyền tham gia vào bất kỳ giao dịch nào khác liên quan đến những mã chứng khoán đó; được quyền thu phí môi giới hoặc những khoản hoa hồng khác; được quyền thiết lập thị trường giao dịch cho các công cụ tài chính của (những) tổ chức phát hành đó; được quyền trở thành nhà tư vấn hoặc bên vay/cho vay đối với (những) tổ chức phát hành đó; hay nói cách khác là luôn tồn tại những xung đột tiềm ẩn về lợi ích trong bất kỳ khuyến nghị và thông tin, quan điểm có liên quan nào được nêu trong bản báo cáo này.

Bất kỳ việc sao chép hoặc phân phối một phần hoặc toàn bộ báo cáo nghiên cứu này mà không được sự cho phép của VPBS đều bị cấm.

Nếu báo cáo nghiên cứu này được phân phối bằng phương tiện điện tử, như e-mail, thì không thể đảm bảo rằng phương thức truyền thông này sẽ an toàn hoặc không mắc những lỗi như thông tin có thể bị chặn, bị hỏng, bị mất, bị phá hủy, đến muộn, không đầy đủ hay có chứa virus. Do đó, nếu báo cáo cung cấp địa chỉ trang web, hoặc chứa các liên kết đến trang web thứ ba, VPBS không xem xét lại và không chịu trách nhiệm cho bất cứ nội dung nào trong những trang web đó. Địa chỉ web và hoặc các liên kết chỉ được cung cấp để thuận tiện cho người đọc, và nội dung của các trang web của bên thứ ba không được đưa vào báo cáo dưới bất kỳ hình thức nào. Người đọc có thể tùy chọn truy cập vào địa chỉ trang web hoặc sử dụng những liên kết đó và chịu hoàn toàn rủi ro.

Hội sở Hà Nội

362 Phố Huế
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
T - +84 (0) 4 3974 3655
F - +84 (0) 4 3974 3656

Chi nhánh Hồ Chí Minh

76 Lê Lai
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
T - +84 (0) 8 3823 8608
F - +84 (0) 8 3823 8609

Chi nhánh Đà Nẵng

112 Phan Châu Trinh,
Quận Hải Châu, Đà Nẵng
T - +84 (0) 511 356 5419
F - +84 (0) 511 356 5418